

Số: **4157/QĐ-UBND**

Thanh Hóa, ngày **16** tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm
hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20/01/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31/8/2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1745/TTr-STP ngày 24 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

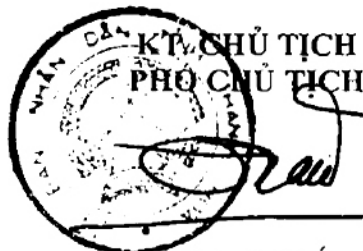
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện quản lý Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu:VT, NC.



Lê Anh Tuấn

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn tỉnh Thanh hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~4157~~/QĐ-UBND ngày ~~16~~ tháng 10 năm 2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức và nội dung phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đồng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành), UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện, cấp xã) trong việc thực hiện quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các bên có liên quan.

3. Bảo đảm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời và hiệu quả.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác phổ biến, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Phối hợp trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.
5. Phối hợp trong công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính.
6. Phối hợp xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và theo nội dung các điều trong Quy chế này.
2. Tổ chức họp liên ngành.
3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết.
4. Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Tham gia triển khai các biện pháp thực hiện quyết định cưỡng chế xử phạt vi phạm hành chính.
6. Các hình thức thích hợp khác.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Phối hợp công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu phát hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn phải kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp và Bộ, ngành có liên quan.
2. UBND cấp huyện, cấp xã trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, trong quá trình áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, nếu phát hiện các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn phải kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp.
3. Sở Tư pháp tổng hợp những vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh kiến nghị với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan xử lý theo thẩm quyền.

Điều 6. Phối hợp phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tham mưu giúp UBND tỉnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

Điều 7. Phối hợp trong kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Nội dung kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác kiểm tra được tiến hành trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp trên cơ sở theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý liên ngành có nhiều khó khăn vướng mắc, bất cập hoặc với những vụ việc phức tạp.

3. Phương thức kiểm tra:

Kiểm tra theo định kỳ, theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực.

4. Thẩm quyền ra quyết định kiểm tra

a) Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định kiểm tra theo đề nghị của Sở Tư pháp

b) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định kiểm tra theo đề nghị của Phòng Tư pháp.

5. Sở Tư pháp, phòng Tư pháp có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo định kỳ, theo chuyên đề, địa bàn hoặc theo ngành, lĩnh vực. Quyết định kiểm tra phải ghi rõ thành phần đoàn kiểm tra, thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra; tên cơ quan, đơn vị được kiểm tra; trách nhiệm của đoàn kiểm tra và được gửi tới cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử người tham gia đoàn kiểm tra theo Quyết định của Chủ tịch UBND cùng cấp.

6. Báo cáo kết quả kiểm tra và báo cáo xử lý kiến nghị.

a) Chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, Trường đoàn kiểm tra phải có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho người đã ban hành Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và cơ quan được kiểm tra.

Trong trường hợp báo cáo kết quả kiểm tra có đề nghị cơ quan được kiểm tra xem xét xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra, thì chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan được kiểm tra phải xem xét, xử lý các kiến nghị và gửi báo cáo kết quả đến người đã ban hành quyết định thành lập đoàn kiểm tra và Đoàn kiểm tra.

b) Báo cáo kết quả kiểm tra phải có các nội dung sau: Tình hình thi hành luật Xử lý vi phạm hành chính; Kết quả đạt được; Hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất, kiến nghị.

Điều 8. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức thanh tra theo đề xuất của Sở Tư pháp hoặc theo kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Thanh tra việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực là trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực đó. Thực hiện việc thanh tra, phải tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về thanh tra.

Trường hợp thanh tra theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc Chủ tịch UBND tỉnh giao, nếu nội dung liên quan tới lĩnh vực quản lý xử lý vi phạm hành chính thuộc sở, ngành nào thì sở, ngành đó có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện.

Trường hợp các sở, ngành được Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì thanh tra lĩnh vực quản lý xử lý vi phạm hành chính thì các sở, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện.

Điều 9. Phối hợp trong xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức việc cập nhật thông tin và bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu; bảo đảm kết nối an toàn, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức thuộc cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định cưỡng chế thi hành

quyết định xử phạt, cơ quan thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp hành chính trên địa bàn tỉnh trong việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm cập nhật thông tin và chịu trách nhiệm về độ chính xác, toàn vẹn các thông tin, dữ liệu; bảo đảm kết nối an toàn, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính do Bộ Tư pháp xây dựng và quản lý.

Điều 10. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị gửi Sở Tư pháp tổng hợp chung.

Điều 11. Phối hợp trong báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương mình cho UBND các huyện, thị xã, thành phố trước ngày 05 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 05 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tình hình xử phạt vi phạm hành chính và báo cáo tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại địa phương gửi cho Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp và UBND tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 4 đối với báo cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 10 tháng 10 đối với báo cáo năm để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp và UBND tỉnh.

4. Ngoài nội dung quy định tại khoản 3 của Điều này, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo tình hình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

5. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh và gửi Bộ Tư pháp trước ngày 20/4 đối với báo cáo 06 tháng; trước ngày 20/10 đối với báo cáo hàng năm.

Điều 12. Thời điểm lấy số liệu đối với báo cáo định kỳ 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau; đối với báo cáo hàng năm, từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này đến các đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã.

2. Sở Tư pháp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Trong quá trình phối hợp, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật./.

**KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH**



Lê Anh Tuấn